

5) Bạn nên lái xe cẩn thận vì trời đang mưa rất nặng hạt.

- carefully (adv) chăm chỉ

- heavily (adv) nặng hạt

5. Trạng từ chỉ mức độ

- Trạng từ chỉ mức độ thường đứng trước tính từ hoặc trạng từ để nhấn mạnh mức độ của tính từ hoặc trạng từ đó.

Ex: *extremely* (cực kì), *too*, *very*, *quite* (khá), *rather* (khá), *relatively* (tương đối).....

- She is a **very** beautiful girl. (Cô ấy là một cô gái rất xinh đẹp)

- I play soccer **very** often. (Tôi chơi bóng đá rất thường xuyên)

- These clothes are **too** dirty. (Những bộ quần áo này quá bẩn)

Ngoài ra một số trạng từ chỉ mức độ có thể đứng trước động từ Ex như: *really*, *rather*, *quite*, *almost*.....

Ex:

I **rather** like her. (Tôi khá thích cô ấy)

I **really** appreciate that. (Tôi thực sự trân trọng điều đó)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1) Đối với tôi toán học là một môn học rất phức tạp.

- maths = math = mathematics (u) môn
toàn

- subject (c) môn học

- complex=complicated (adj) phức tạp

2) Hầu hết các sản phẩm ở khu chợ này đều khá đắt đỏ.

- product = commodity (c) sản phẩm

- expensive (adj) đắt

3) Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình tương đối tốt.

- complete (t) hoàn thành

- task (c) nhiệm vụ

4) Bạn không nên quá tự tin trước khi bạn nhận được kết quả chính thức.

- confident (adj) tự tin

- result (c) kết quả

- receive (t) nhận được

- official (adj) chính thức
